

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1436/2007/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 09 tháng 8 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định mức thu phí đấu giá

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính; số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 75/2007/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 9 về việc ban hành danh mục, mức thu, quản lý, sử dụng tiền phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1414/STC ngày 02 tháng 8 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí đấu giá trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Đối tượng nộp phí: là người có tài sản bán đấu giá (chủ sở hữu tài sản hoặc người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền bán tài sản hoặc cá nhân, tổ chức có quyền bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật) và người tham gia đấu giá tài sản.

2. Đơn vị thu phí: Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản, đơn vị sự nghiệp có chức năng bán đấu giá tài sản và Hội đồng bán đấu giá tài sản.

3. Mức thu:

3.1. Mức thu phí đấu giá đối với người có tài sản bán đấu giá:

- Trường hợp bán được tài sản bán đấu giá thì mức thu phí được tính trên giá trị tài sản bán được:

STT	Giá trị tài sản bán được	Mức thu
1.	Từ 1.000.000 đồng trở xuống	50.000 đồng
2.	Từ trên 1.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng	5% giá trị tài sản bán được
3.	Từ trên 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng	5.000.000 đồng + 1,5% của phần giá trị tài sản bán được vượt quá 100.000.000 đồng
4.	Trên 1.000.000.000 đồng	18.500.000 đồng + 0,2% của phần giá trị tài sản bán được vượt quá 1.000.000.000 đồng

- Trường hợp bán đấu giá tài sản không thành thì người có tài sản bán đấu giá thanh toán cho đơn vị bán đấu giá các chi phí thực tế, hợp lý cho việc bán đấu giá tài sản, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3.2. Mức thu phí đấu giá đối với người tham gia đấu giá:

Mức thu phí đấu giá đối với người tham gia đấu giá được xác định tương ứng với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá hoặc giá khởi điểm của quyền sử dụng đất hoặc diện tích sử dụng đất bán đấu giá và không hoàn trả cho các đối tượng đã đăng ký tham gia và nộp phí đấu giá (trừ trường hợp cuộc đấu giá tài sản không được tổ chức).

a) Mức thu phí đấu giá đối với người tham gia đấu giá tài sản:

STT	Giá khởi điểm của tài sản	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1.	Từ 20.000.000 đồng trở xuống	20.000
2.	Từ trên 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng	50.000
3.	Từ trên 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng	100.000
4.	Từ trên 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng	200.000
5.	Trên 500.000.000 đồng	500.000

b) Mức thu phí đấu giá đối với người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất:

- Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân:

STT	Giá khởi điểm của quyền sử dụng đất	Mức thu (đồng/hồ sơ)
-----	-------------------------------------	-------------------------

1.	Từ 100.000.000 đồng trở xuống	50.000
2.	Từ trên 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng	100.000
3.	Từ trên 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng	200.000
4.	Trên 500.000.000 đồng	500.000

- Trường hợp bán đấu giá quyền sử dụng đất khác quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân:

STT	Diện tích đất	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1.	Từ 0,5ha trở xuống	1.000.000
2.	Từ trên 0,5ha đến 2ha	3.000.000
3.	Từ trên 2ha đến 5ha	4.000.000
4.	Trên 5ha	5.000.000

4. Quản lý, sử dụng số tiền phí thu được:

a) Tỷ lệ phần trăm trong số tiền phí thu được trích lại cho đơn vị thu phí để trang trải chi phí cho việc thu phí:

- Hội đồng bán đấu giá quyền sử dụng đất hoặc cho thuê đất: 100%.

- Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản: 100%.

b) Việc quản lý, sử dụng tiền lệ phí thu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002, Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Các qui định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Giao trách nhiệm Sở Tài chính phối hợp Sở Tư pháp, Cục thuế và các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra trong việc thực hiện theo đúng qui định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành trong Tỉnh, Cục trưởng Cục thuế, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Thủ trưởng cơ quan liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Lộc